

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1428/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 10 – 2018.

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn.

2. Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 884/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 238/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 6/13 đường số 598, tổ 2 ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 6/17 đường số 598, tổ 2 ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 29/6/2018 và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:

Bà V và ông Đặng Thanh T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H vào ngày 04/12/2012. Trong quá trình chung sống, giai đoạn đầu rất hạnh phúc, sau đó ông T và bà V phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T đã đe dọa và bạo hành đánh bà V nhiều lần. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà V yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Anh K, sinh ngày 16/10/2012, hiện nay đang sống chung với ông T. Bà V yêu cầu giao trẻ Đặng Anh K cho ông T trực

tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà V cấp dưỡng nuôi con cho trẻ Đặng Anh K mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Đặng Thanh T:*

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án cung cấp lời khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông T không đến Tòa án, không có lý do nên đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Đặng Thanh T; bị đơn ông Đặng Thanh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V yêu cầu ly hôn với ông Đặng Thanh T, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Đặng Thanh T cư trú tại xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Đặng Thanh T:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đặng Thanh T đến Tòa án cung cấp lời khai, chứng cứ và tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông T không có bất kỳ trở ngại khách quan nào khác nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt ông Đặng Thanh T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V đối với bị đơn ông Đặng Thanh T, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà V đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, không có bất kỳ trở ngại khách quan nào khác nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông T từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà V cung cấp để xét xử vụ án.

Căn cứ lời trình bày của bà V và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bà V và ông T tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H vào ngày 04/12/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà V, ông T chung sống rất hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trong sinh hoạt hàng ngày vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T đã đe dọa và bạo hành đánh đập bà V nhiều lần, từ đó gia đình mất dần hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa bà V, ông T ngày càng mất đi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông T là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định chấp nhận yêu cầu của bà V ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Anh K, sinh ngày 16/10/2012, hiện nay đang được ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà V đồng ý giao trẻ Đặng Anh K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà V cấp dưỡng nuôi con cho trẻ Đặng Anh K mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Xét thấy hiện nay trẻ Đặng Anh K đang được ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; nhằm tạo điều kiện ổn định về tâm sinh lý, học hành của trẻ Đặng Anh K, quyết định giao trẻ Đặng Anh K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho trẻ Đặng Anh K mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo yêu cầu của bà V là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà V phải chịu.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà V phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 96, 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết V đối với ông Đặng Thanh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết V ly hôn ông Đặng Thanh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Anh K, sinh ngày 16/10/2012; Giao trẻ Đặng Anh K cho ông Đặng Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Nguyễn Thị Tuyết V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đặng Anh K mỗi tháng

1.000.000đ (Một triệu đồng), thi hành từ tháng 11/2018 cho đến khi trẻ Đặng Anh K tròn 18 tuổi. Việc giao nhận trẻ Đặng Anh K và tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Kể từ ngày ông Đặng Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, nếu bà Nguyễn Thị Tuyết V chậm thi hành hoặc không thi hành, thì phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung của vợ chồng và nghĩa vụ dân sự khác của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí HNGĐ-ST về ly hôn: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Tuyết V chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Tuyết V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032904 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí HNGĐ-ST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Tuyết V phải chịu.

Bà Nguyễn Thị Tuyết V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Đặng Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND.H Củ Chi;
- Chi cục THADS. H Củ Chi;
- UBND nơi cấp giấy CN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP,HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức